ĐỀ 1	ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025 Môn: NGỮ VĂN *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...]Tôi đi như bốc lên trên bụi đường số Một
Qua gạch vụn hai bên, người đang tới dựng nhà,
Nhịp cầu mới vươn tay kéo nhịp cầu đã sập
Cây nham nhở tàn tro vừa kịp nhú nhành hoa...

Tôi gặp khắp nơi những bàn tay vun quén
Tôi thuộc đến như in những vóc dáng cần cù
Đất nước dám hy sinh tất cả dành Kháng chiến
Ngày thắng giặc hôm nay, sẽ đủ sức làm bù.

Mỗi em bé phút này tung tăng vào lớp một
Đều sinh trong thời có triệu tấn bom rơi,
Mỗi cô gái thu này bắt đầu may áo cưới
Đều đã đứng lên từ công sự bom vùi!

Đâu tiếng ru à ơi qua nghìn làng sơ tán?
Đêm thức trắng không đèn, chuyến phà chật mùa mưa?
Kỷ niệm vẫn theo ta, diết da và loé sáng,
Truyền sức sống hôm qua vào sức sống bây giờ! (Tam Đảo 1973).

(Trích *Đất nước*, Bằng Việt, *Đất sau mưa*, NXB tác phẩm mới, 1977, tr.8)

Chú thích:

- Bằng Việt tên thật Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ của Bằng Việt được đánh giá là trẻ trung, hồn nhiên và tài hoa, với cảm xúc tinh tế, giọng điệu tâm tình, trầm lắng, suy tư và giàu triết lí.
- Bài thơ Đất nước được in trong tập Đất sau mưa (1977). Nội dung bài thơ nói riêng và cả tập thơ nói chung tràn đầy cảm hứng về Đất nước và con người trong chiến tranh.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định chủ thể trữ tình trong văn bản.

Câu 2. Theo đoạn trích, hình tượng Đất nước đau thương được khắc họa qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

Câu 3. Phân tích tác dụng của phép điệp cấu trúc trong đoạn thơ:

"Mỗi em bé phút này tung tăng vào lớp một
Đều sinh trong thời có triệu tấn bom rơi,
Mỗi cô gái thu này bắt đầu may áo cưới
Đều đã đứng lên từ công sự bom vùi!"

Câu 4. Nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ trên.

Câu 5. Từ những cảm nhận của chủ thể trữ tình về hình tượng Đất nước trong đoạn trích trên, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

II. VIẾT (6 điểm).

Câu 1. **(2 điểm)**

Anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình tượng Đất nước trong hai khổ thơ đầu của đoạn trích *Đất nước*, nhà thơ Bằng Việt ở phần đọc hiểu.

Câu 2. (4 điểm)

"Cuộc sống rất cần sự sáng tạo của con người, đặc biệt là những người trẻ tuổi".

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sự sáng tạo

của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Chủ thể trữ tình: *tôi / Chủ thể trữ tình xưng danh: tôi* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm.* *- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0,0 điểm*	0,5
	2	Theo đoạn trích, hình tượng Đất nước đau thương được khắc họa qua những từ ngữ, hình ảnh: *gạch vụn, cầu sập, cây nham nhở tàn tro, triệu tấn bom rơi, công sự bom vùi, nghìn làng sơ tán.* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời chính xác như đáp án hoặc từ **03** từ ngữ, hình ảnh trở lên: 0,5 điểm.* *- Học sinh trả lời được **02 t**ừ ngữ, hình ảnh: 0,25 điểm.* *- Học sinh trả lời đúng **01 t**ừ ngữ, hình ảnh hoặc trả lời sai: 0,0 điểm.*	0,5
	3	- Phép điệp cấu trúc được sử dụng trong đoạn thơ là: *Mỗi em bé…Đều…/Mỗi cô gái…Đều…* - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu thiết tha, giọng điệu tự hào + Nhấn mạnh hình tượng Đất nước đẹp đẽ với sức sống mãnh liệt nảy sinh từ trong bom đạn và trường tồn mãi mãi. ***Hướng dẫn chấm:*** ***-** Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm* *- Học sinh nêu tác dụng của phép điệp cấu trúc như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm* *- Học sinh trả lời được 01 trong 02 ý về tác dụng: 0,5 điểm* *- Học sinh chỉ nêu được biểu hiện của phép điệp cấu trúc, không nêu tác dụng: 0,25 điểm.* *- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0,0 điểm*	1,0
	4	Cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ trên: Ngợi ca, tự hào về Đất nước. Đó là những suy cảm của nhà thơ về một đất nước đầy đau thương phải hứng chịu bom đạn, khói lửa, phải chịu nhiều khó khăn, gian khổ; nhưng vô cùng anh dũng, vượt lên đau thương, Đất nước chuyển mình, hồi sinh với sức sống phi thường. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.* *- Học sinh trả lời được 01 trong 02 ý như đáp án: 0,75 điểm* *- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0,0 điểm*	1,0
	5	Suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Học sinh nêu được trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đảm bảo một trong số các ý sau, có sự lí giải phù hợp. - Phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc; xung kích, sáng tạo, đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	1,0

		Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. - Đấu tranh với các âm mưu, hoạt động gây hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. - Ra sức học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. …. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời được trách nhiệm của bản thân như 1 trong những gợi ý nêu trong đáp án và có sự lí giải hợp lí: 1,0 điểm* *- Học sinh nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của bản thân theo yêu cầu của đề song lí giải chưa sâu sắc: 0,75 điểm* *- Học sinh nêu được trách nhiệm của bản thân song không lí giải hoặc lí giải không phù hợp: 0.5 điểm.*	
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình tượng Đất nước trong hai khổ thơ đầu của đoạn trích Đất nước, nhà thơ Bằng Việt ở phần đọc hiểu**	**2,0**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn - Hình thức: một đoạn văn, thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. - Dung lượng: khoảng 200 chữ ***Hướng dẫn chấm:*** *- Đảm bảo cả hai yêu cầu trên (hình thức là 1 đoạn văn, dung lượng từ 150 đến 200 chữ): 0,25 điểm* *- Không đảm bảo 1 trong 2 yêu cầu trên: 0,0 điểm*	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm nhận về hình tượng Đất nước trong hai khổ thơ đầu của đoạn trích Đất nước, nhà thơ Bằng Việt ở phần đọc hiểu.	0,25
		c.Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ luận điểm; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; biết phân tích các dẫn chứng trong văn bản để làm sáng tỏ cho lập luận). * **Mở đoạn**: giới thiệu được vấn đề nghị luận: hình tượng Đất nước trong hai khổ thơ đầu của đoạn trích Đất nước, nhà thơ Bằng Việt. * **Thân đoạn**: Hình thành rõ luận điểm phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận, có thể theo hướng sau: Hình tượng Đất nước trong 2 khổ thơ đầu qua cảm nhận của chủ thể trữ tình: Đó là một đất nước tuy phải chịu nhiều đau thương, hứng chịu nhiều bom đạn trong chiến tranh (*gạch vụn, cầu sập, cây nham nhở tàn tro*); nhưng vô cùng anh dũng, kiên cường, bất khuất, vượt lên đau thương Đất nước chuyển mình, hồi sinh mãnh liệt *(dựng nhà, cầu mới vươn tay, nhú nhành hoa)* + Đất nước hiện lên với vẻ đẹp của những vóc dáng cần cù, chịu thương chịu khó, những bàn tay vun vén nơi nơi (*Tôi gặp khắp nơi những bàn tay vun quén/ Thuộc đến như in những vóc dáng cần cù).* + Đất nước mang vẻ đẹp của tinh thần quyết chiến, của những con	1,0

		người trên dải đất chữ S sẵn sàng hi sinh mọi thứ, ra đi để giành lại tự do cho Tổ quốc, độc lập cho dân tộc, tất cả vì kháng chiến, vì chiến thắng vẻ vang *(Đất nước dám hi sinh tất cả dành kháng chiến / Ngày thắng giặc thắng giặc hôm nay sẽ đủ sức làm bù).* +Hình tượng Đất nước tuy đau thương mà vẫn sáng ngời, đẹp đẽ; vừa gần gũi, vừa thiêng liêng cao cả được khắc họa qua những ngôn từ bình dị, mộc mạc; hình ảnh thơ gần gũi, giàu sức gợi,… * **Kết đoạn**: khẳng định lại vấn đề, đánh giá được thông điệp rút ra từ văn bản qua hình tượng đất nước. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh biết hình thành luận điểm của đoạn văn và triển khai luận điểm một cách nhất quán để làm rõ vấn đề nghị luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng từ văn bản như đáp án: 1,0 điểm* *- Học sinh biết hình thành luận điểm của đoạn văn và triển khai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận song chưa sâu sắc, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng từ văn bản: 0,75 điểm* *- Học sinh chưa biết hình thành luận điểm của đoạn văn và triển khai luận điểm chưa nhất quán để làm rõ vấn đề nghị luận, song có kết hợp lí lẽ và dẫn chứng từ văn bản: 0,5 điểm* *- Học sinh chưa biết triển khai ý, viết lan man: 0,25 điểm*	
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm với những bài viết sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh đạt được một trong hai yêu cầu trên: 0,25 điểm*	0,25
	2	***"Cuộc sống rất cần sự sáng tạo của con người, đặc biệt là những người trẻ tuổi".*** **Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sự sáng tạo của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.**	**4,0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: **Sự sáng tạo của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.**	0,5
		c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu sau: * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu). * Đề xuất được hệ thống ý phù hợp, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận, sau đây là 1 số gợi ý cho bài viết: **1. Mở bài** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: Sự sáng tạo của tuổi trẻ. **2. Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận bằng hệ thống luận điểm sáng rõ.** **** Giải thích**:*	2,5

		- Sáng tạo là sự say mê tìm tòi để tìm ra những phương pháp, cách thức tốt hơn so với phương pháp đã có; để tạo ra những giá trị mới mẻ về vật chất hoặc tinh thần. **** Bàn luận:*** Trong cuộc sống hiện nay, sự sáng tạo cần được kêu gọi, khích lệ ở mọi lĩnh vực, mọi lứa tuổi, song đặc biệt cần thiết đối với giới trẻ, vì: - Cuộc sống luôn thay đổi từng ngày, với những yêu cầu mỗi ngày một cao hơn, nếu con người cứ lệ thuộc vào những lối mòn, những phương pháp cũ kĩ, lạc hậu thì sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu của thời đại, những người trẻ tuổi nếu không có sự sáng tạo sẽ bị thụt lùi so với thời cuộc, thậm chí bị đào thải. - Tuổi trẻ là những người đang ở giai đoạn tràn đầy năng lượng, có sự năng động và nhiệt huyết, chính vì vậy cần có sự thay đổi và bứt phá, tìm ra những phương pháp mới mẻ, hiệu quả hơn để tạo ra những giá trị ưu việt hơn cho cuộc đời. - Những người trẻ tuổi càng năng động sáng tạo càng phát huy được năng lực, khẳng định được giá trị của bản thân, thích nghi với thời cuộc, cống hiến được nhiều hơn cho đời sống xã hội. (*Hs cần kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng về sự sáng tạo của tuổi trẻ để làm rõ vấn đề nghị luận. Yêu cầu dẫn chứng tiêu biểu, có tính cập nhật).* **** Mở rộng vấn đề, trao đổi (quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác):*** *Học sinh hình dung những ý kiến trái chiều, ngược với quan điểm của bản thân, từ đó có trao đổi để bảo vệ quan điểm cá nhân. Sau đây là gợi ý:* + Liên hệ thực tế, nhiều người bị sức ì của tư duy, hoặc không ý thức được sự cần thiết nên không có sự sáng tạo trong công việc. + Sáng tạo không có nghĩa là cố tình phải làm khác đi, thay đổi hoàn toàn, sáng tạo cần phải dựa trên việc xem xét tình hình thực tế, phù hợp và hiệu quả **3. Kết bài** Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân/ hoặc đề xuất giải pháp phát huy khả năng sáng tạo ở người trẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai rành mạch các luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận chặt chẽ, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng, có mở rộng, trao đổi với ý kiến trái chiều: 2,25-2,5 điểm.* *- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai được các luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận tương đối chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa thật tiêu biểu, có mở rộng, trao đổi với ý kiến trái chiều: 1,5 -2,0 điểm.* *- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai được luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận chưa chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu, chưa có mở rộng, trao đổi với ý kiến trái chiều: 0,75-1,25 điểm.* *- Xác định vấn đề nghị luận chưa rõ, bài làm sơ sài, lí lẽ và dẫn chứng thiếu thuyết phục, chưa giải thích vấn đề và chưa có mở rộng, trao đổi với ý kiến trái chiều: 0,25-0,5 điểm* *- Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn: 0,0 điểm*	
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu và liên kết văn bản.	0,25

		Hướng dẫn chấm: *Không cho điểm với những bài viết sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết*	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh đạt được một trong hai yêu cầu trên: 0,25 điểm*	0,5
Tổng điểm			**10,0**

----------Hết----------

ĐỀ 2	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên thí sinh: …… Số báo danh: ……..

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt đoạn trước: *Thứ là một thanh niên được học hành, có hoài bão, chí hướng. Sau khi lấy được bằng Thành chung, y vào Sài Gòn tìm kế mưu sinh. Nhưng sau 3 năm, nghèo khó, bệnh tật, y phải về quê, chịu cảnh thất nghiệp. Đích, anh họ Thứ, chung vốn với Oanh, vợ chưa cưới của Đích, mở một trường tư ở ngoại ô Hà Nội. Do được bổ đi làm ở xa, Đích mượn Thứ đứng chân hiệu trưởng và mời dạy mấy lớp trên. Ban đầu, Thứ rất hào hứng, tận tâm nhưng chỉ ít lâu, anh chán nghề... Bao nhiêu tiền thu được đều vào túi Oanh. Oanh không những bóc lột sức lao động của Thứ và San (một giáo viên của trường, dạy các lớp dưới) mà khi nấu cơm cho họ, Oanh còn bắt họ ăn uống quá kham khổ. Nhiều lần Thứ định nói chuyện dứt khoát với Oanh để giải thoát cho mình và tổ chức lại cái trường cho tử tế. Nhưng bản tính nhút nhát, do dự, sợ va chạm nên Thứ cứ ngần ngại, để tình trạng nặng nề kéo dài. Cuộc sống chung đụng ngày càng không chịu nổi vì thói keo bẩn, thở lợ của Oanh. Thứ bực và buồn lắm vì thấy rằng sống với người nhỏ nhen thì mình cũng thành nhỏ nhen).*

Thứ không đáp. Y ngẫm nghĩ. Mặt y hầm hầm và đôi môi y chụm lại. Rồi y hằn học bảo:

- Kiếp chúng mình, tức lạ. Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế! Không bao giờ dám nhìn cao một tí. Chỉ những lo ăn, lo mặc. Hình như tất cả nguyện vọng, tất cả mong ước, tất cả mục đích của đời chúng mình, chỉ là mỗi ngày hai bữa. Bao nhiêu tài trí, sức lực lo tính đều chỉ dùng vào việc ấy. Khổ sở cũng vì thế, nhục nhã cũng vì thế, mỏi mòn tài năng, trí óc, giết chết những mong muốn đẹp, những hi vọng cao xa cũng vì thế nốt. Lúc nào cũng lo chết đói. Lúc nào cũng làm thế nào cho không chết đói! Như vậy thì sống làm gì cho cực?

Thứ vẫn không thể nào chịu được rằng sống chỉ làm thế nào cho mình và vợ con có cơm ăn, áo mặc thôi. Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom sức lực của mình vào công cuộc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại. Có thú vị gì là cái lối sống co quắp vào mình, cái lối sống quá ư loài vật, chẳng còn biết một việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn đổ vào cái dạ dày. Có ai muốn gục mặt xuống làm gì? Đau đớn thay cho những kiếp sống khao khát muốn lên cao nhưng lại bị áo cơm ghì sát đất. Hỡi ôi! Người ta đã phí bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu công lao để giải thoát loài người. Giê-su (Jesus) đã phải đổ máu ra. Thích Ca đã phải từ bỏ tất cả những phú quý vinh hoa của đời mình. Vô ích cả, chừng nào nhân loại chưa thoát khỏi những xiềng xích của cái đói và cái rét. Thứ thường có những lúc sực nhớ đến những cao vọng của mình xưa, ngán ngẩm buồn, tiếc cho mình. Y cứ đinh ninh rằng giá y không bị

nghèo thì có lẽ y không đến nỗi đớn hèn thế này đâu. Có lẽ y sẽ làm được một cái gì. Biết bao nhiêu tài năng không nảy nở được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt!…
(Trích *Sống mòn,* in trong *Tuyển tập Nam Cao,* tập 2, NXB Văn học, Hà Nội, 2005, tr. 259-260)
***Chú thích:** Nam Cao (1915-1951) tên Trần Hữu Tri, quê Hà Nam. Ông là nhà văn hiện đại xuất sắc của văn học Việt Nam.Với 15 năm cầm bút, ông có hai tiểu thuyết, 50 truyện ngắn. Nam Cao thành công ở lĩnh vực truyện ngắn: *Chí Phèo, Lão Hạc, Đời thừa…*
Thực hiện các yêu cầu:
Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.
Câu 2. Trong đoạn trích, nhân vật Thứ quan niệm thế nào là "sống"?
Câu 3. Nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ: *Như vậy thì sống làm gì cho cực? Có ai muốn gục mặt xuống làm gì?*
Câu 4. Nhận xét về phẩm chất của nhân vật Thứ trong đoạn trích.
Câu 5. Anh / Chị có đồng tình với quan điểm "*Biết bao nhiêu tài năng không nảy nở được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt"* trong đoạn trích không? Vì sao? (Trình bày trong khoảng 5- 7 dòng.)
II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)
Câu 1. (2.0 điểm)
Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) phân tích cách cảm nhận của nhân vật trữ tình/ nhân vật "anh" về tình yêu trong đoạn thơ sau:

… Chỉ một người ở lại với anh thôi
Lúc anh vắng người ấy thường thức đợi
Khi anh khổ chỉ riêng người ấy tới
Anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương
Người ấy chỉ vui khi anh hết lo buồn
Anh lạc bước, em đưa anh trở lại
Khi cằn cỗi thấy tháng ngày mệt mỏi
Em là sớm mai là tuổi trẻ của anh
Khi những điều giả dối vây quanh
Bàn tay ấy chở che và gìn giữ
Biết ơn em, em từ miền gió cát
Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng
Anh thành người có ích cũng nhờ em
Anh biết sống vững vàng không sợ hãi
…"Anh yêu em và anh tồn tại".

(Trích *Và anh tồn tại,* in trong *Lưu Quang Vũ – Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi,* NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 199-200).
***Chú thích:** Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), là nhà soạn kịch, nhà thơ hiện đại nổi tiếng của Việt Nam. (…) Thơ Lưu Quang Vũ không chỉ bay bổng, tài hoa mà còn giàu cảm xúc, trăn trở, khát khao. Các bài thơ được bạn đọc yêu thích: *Và anh tồn tại, Tiếng Việt …*
Câu 2. (4.0 điểm)
Anh / chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về ý kiến: *Hạnh phúc của tuổi trẻ đơn giản là được cống hiến.*

- HẾT -

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	Xác định ngôi kể: ngôi thứ 3. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	0.5
	2	Thứ quan niệm "sống": *Sống là để làm một cái gì đẹp hơn nhiều, cao quý hơn nhiều. Mỗi người sống, phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chứa đựng ở trong mình. Phải gom sức lực của mình vào công cuộc tiến bộ chung. Mỗi người chết đi, phải để lại một chút gì cho nhân loại.* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0.25 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	0.5
	3	*Như vậy thì sống làm gì cho cực? Có ai muốn gục mặt xuống làm gì?* - Hai câu trên thể hiện sự trăn trở, day dứt, đau đớn của nhân vật Thứ khi suy ngẫm về cuộc sống bế tắc, tủi nhục. - Làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm.* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	1.0
	4	- Nhân vật Thứ là người trí thức có suy nghĩ tích cực, quan niệm tiến bộ về cách sống nhưng bị sự nghèo đói làm cho phải sống cuộc sống tù túng, chật hẹp, đớn hèn, cơ cực,… - Tuy nhiên, nhân vật luôn khao khát được vươn lên và có cuộc sống tốt đẹp hơn. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm.* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	1.0
	5	HS bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối quan điểm của Thứ. *"Biết bao nhiêu tài năng không nảy nở được, chỉ vì không gặp được một cái hoàn cảnh tốt".* - Đồng tình: hoàn cảnh tốt sẽ tạo điều điện thuận lợi cho tài năng phát triển, có cơ hội đóng góp cho xã hội - Phản đối: con người phải biết vượt lên trên hoàn cảnh, kiên định với lí tưởng của mình. Nghịch cảnh là động lực để con người quyết tâm vươn tới những điều tốt đẹp. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được đồng tình hoặc không đồng tình: 0.25 điểm.* *- Học sinh lí giải phù hợp, thuyết phục: 0.75 điểm.* *- Học sinh không trả lời: 0.0 điểm.*	1.0
II		**VIẾT**	**6.0**

	1	**Viết đoạn văn nghị luận phân tích cách cảm nhận của nhân vật trữ tình về tình yêu qua đoạn trích thơ Lưu Quang Vũ.**	**2.0**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân- hợp, móc xích hoặc song hành ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đảm bảo cấu trúc 1 đoạn văn: 0.25 điểm.* *- Học sinh không đảm bảo cấu trúc 1 đoạn văn: 0.0 điểm.*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách cảm nhận về tình yêu qua đoạn thơ ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm.* *- Học sinh không xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.0 điểm.*	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu tên, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác đoạn thơ *Và anh tồn tại* - Lưu Quang Vũ, dẫn dắt nêu vấn đề *cách cảm nhận về tình yêu* - Phân tích cách cảm nhận về tình yêu của nhân vật trữ tình qua đoạn thơ: + Nội dung: Đoạn thơ thể hiện sự nhận thức của nhân vật trữ tình "anh" về "em" và ca ngợi, trân trọng tình yêu của "em" đối với "anh". Nhờ tình yêu của "em" mà anh trở thành "người có ích", "*sống vững vàng không sợ hãi*" và hơn hết là "*anh tồn tại*". + Nghệ thuật: Thể thơ tự do; kết hợp giữa biểu cảm với tự sự, nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp; sử dụng các hình ảnh liệt kê, so sánh và ẩn dụ, ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu vừa tâm tình vừa triết lí,… - Đánh giá: Đây là một trong những đoạn thơ hay viết về đề tài tình yêu đôi lứa của nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại, kết tinh những giá trị nghệ thuật và tư tưởng khi viết về đề tài này. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được từ 2 ý trở lên: 0.5 điểm.* *- Học sinh nêu được 1 ý: 0.25 điểm.*	0.5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0.25 điểm.* *- Luận điểm chưa rõ ràng, phân tích chung chung, sơ sài: 0.25 điểm*	0.5
		đ. Diễn đạt	0.25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. ***Hướng dẫn chấm:*** *không cho điểm nếu học sinh sai quá nhiều lỗi.*	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đạt 1 tiêu chí: 0.25 điểm.*	0.25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về nhận định *Hạnh phúc của tuổi trẻ đơn giản là được cống hiến.***	**4.0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định được yêu cầu của kiểu bài: 0.25 điểm.* *- Học sinh không xác định được yêu cầu của kiểu bài: 0.0 điểm.*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hạnh phúc của tuổi trẻ đơn giản là được cống hiến. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm.* *- Học sinh không xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.0 điểm.*	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài nghị luận * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận + Hạnh phúc là gì? Có nhiều quan niệm về hạnh phúc. Quan niệm trên coi hạnh phúc là niềm vui được cống hiến, được phấn đấu để đạt được những kết quả tốt đẹp trong cuộc sống. + Cống hiến là thế nào? Cống hiến là mong muốn đem lại những giá trị tốt đẹp cho người thân và cộng đồng; sống và làm việc vì người khác. - Thể hiện quan niệm của người viết, có thể theo một số gợi ý: + Tại sao hạnh phúc đơn giản là được cống hiến? Vì khi cống hiến, con người nhận thức rõ về việc sống hữu ích, có được niềm vui khi lan tỏa những điều tốt đẹp Đồng thời cảm nhận niềm hạnh phúc khi được mọi người yêu mến, ủng hộ, hưởng ứng. - Chứng minh: nhiều tấm gương cống hiến cho xã hội bằng những việc làm lớn nhỏ có ích, có sức lan toả. - Bình luận mở rộng: Trao đổi quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân Cống hiến là một trong những cách thức tích cực để đem lại	1.0

		hạnh phúc thực sự cho con người nhất là tuổi trẻ ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được từ 4 ý trở lên: 1.0 điểm.* *- Học sinh nêu được 3 ý : 0.75 điểm; 2 ý: 0.5 điểm; 1 ý: 0.25 điểm*	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1.0-1.5 điểm.* *- Luận điểm khá rõ ràng, lập luận khá chặt chẽ, phân tích tương đối đầy đủ: 0.75-1.0 điểm* *- Ý chung chung, sơ sài: 0.25 điểm – 0.5 điểm.*	1.5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. ***Hướng dẫn chấm:*** *không cho điểm nếu học sinh sai quá nhiều lỗi.*	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đạt 2 tiêu chí trở lên: 0.5 điểm.* *- Học sinh đạt 1 tiêu chí: 0.25 điểm.*	0.5
Tổng điểm			**10.0**

- HẾT -

ĐỀ 3	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên HS: …… **SBD:** ……

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Hà Thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú - Nàng Ủa, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít có người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng, trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các bô lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? [...]. Các bô lão trong

bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn người nào có đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các chàng trai ngồi tụm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là rượu và thịt tiêu ma. Lớp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành...

Một bữa kia có chàng trai dáng vẻ hùng dũng đến nói với trưởng bản và các bô lão:

- Dũng cảm là đức tính quý nhất và khó kiếm nhất. Tôi là người có đức tính ấy!

- Cứ chứng minh xem! Trưởng bản trả lời.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng vác về một con lợn lòi bị chàng bắn chết. Con lợn lòi đến hơn tạ thịt, lông cứng tua tủa như lông nhím, chết rồi mà hai con mắt đỏ lừ của nó vẫn ngầu sắc máu. Chàng vứt con lợn xuống sàn, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng. Trưởng bản hỏi con gái:

- Con xem, chàng trai thực sự dũng cảm. Chàng ấy đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình...

E mỉm cười, trái tim của nàng rung động khi nhìn thấy đôi mắt dũng cảm của người cầu hôn. Đôi mắt ấy như có ánh lửa. Nhưng vốn thông minh, E biết, những người dũng cảm sẽ mải mê với sự nghiệp của mình. E trả lời:

- Đúng thế, thưa cha! Chàng trai đã chứng minh được đức tính dũng cảm của mình... đức tính thật là đáng quý... Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó...

Các bô lão gật gù. Người ta đồng ý với lời E nói. Con lợn được mổ thịt. Cả bản xoè suốt đêm để mừng đức tính dũng cảm, đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Nhiều người con trai chân chính ở rừng có đức tính này...

[...] Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các bô lão. Đấy là Hặc, chàng trai mồ côi, một thợ săn xuất sắc nhất bản. Hặc nói với mọi người:

- Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

- Cứ chứng minh xem! Mọi người bảo chàng. Hặc trả lời:

- Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các bô lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa:

- Phải chứng minh! Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt trìu mến của E nhìn Hặc.

[...] Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hặc bước lên đàn, chàng ngước đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói:

- Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ. Buổi chiều, bầu trời đầy mây vần vũ và khi đêm xuống thì mưa như trút. Lần ấy, người ta đã xoè suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hặc với con gái trưởng bản. Đây là tiệc xoè vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tiệc xòe vui nhất, Những ngọn gió Hua Tát,* NXB Văn hóa, 1989, tr.190-195)

Chú thích:

- Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021), sinh tại Thái Nguyên, quê gốc ở H.Thanh Trì, Hà Nội. Ông nổi tiếng với các thể loại truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phê bình văn học.
- Truyện ngắn của ông đề cập đến nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống đương đại và khá đa dạng trong cách viết. Là nhà văn có đóng góp trong việc đổi mới nội dung và hình thức nghệ thuật của văn xuôi Việt Nam đương đại.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định điểm nhìn trong đoạn trích. (0.5 điểm)

Câu 2. Theo đoạn trích, vì sao nhân vật Hà Thị E không chọn người có đức tính dũng cảm? (0.5 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong các câu sau*: "Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú - Nàng Ủa, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự"*. (1.0 điểm)

Câu 4. Trình bày cảm hứng chủ đạo của văn bản. (1.0 điểm)

Câu 5. Anh, chị có đồng tình "*Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất"* hay không? Vì sao? (1.0 điểm)

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. **(2.0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về cách kết thúc truyện trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu trên.

Câu 2. **(4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lối sống chủ động đối với tuổi trẻ.

---- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**PHẦN ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	Điểm nhìn ngôi thứ 3 toàn tri ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	0.5
	2	Theo đoạn trích, nhân vật Hà Thị E không chọn người có đức tính dũng cảm. Vì: *- "Những người dũng cảm sẽ mải mê với sự nghiệp của mình".* *- "Đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó".* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0.25 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	0.5
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong các câu sau*:* - Làm nổi bật vẻ đẹp ngoại hình của nhân vật Hà Thị E. Qua đó bộc lộ thái độ ngợi ca. - Câu văn giàu hình ảnh và nhịp điệu. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm.* *- Học sinh trả lời được ý 1: 0.75 điểm.* *- Học sinh trả lời được ý 2: 0.25 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	1.0
	4	Cảm hứng chủ đạo: Ca ngợi lòng trung thực của con người, là thiên tính đáng quý khó kiếm nhất hơn cả sự dũng cảm, khôn ngoan và giàu có của con người.	1.0

		Hướng dẫn chấm: *- Học sinh trả lời như đáp án:1.0 điểm.* *- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*	
	5	Anh, chị có đồng tình "*Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất*" hay không? Vì sao? - Học sinh có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình. - Có lí giải phù hợp. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được đồng tình hoặc không đồng tình: 0.25 điểm.* *- Học sinh lí giải phù hợp, thuyết phục: 0.75 điểm.* *- Học sinh không trả lời: 0.0 điểm.*	1.0
II		**VIẾT**	**6.0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về cách kết thúc truyện trong đoạn trích *Tiệc xòe vui nhất* của Nguyễn Huy Thiệp.**	**2.0**
		a. Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đảm bảo cấu trúc 1 đoạn văn: 0.25 điểm.* *- Học sinh không đảm bảo cấu trúc 1 đoạn văn: 0.0 điểm.*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách kết thúc truyện trong đoạn trích. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm.* *- Học sinh không xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.0 điểm.*	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: kết thúc truyện là một kết thúc có hậu. - Triển khai vấn đề nghị luận: + Biểu hiện kết thúc có hậu trong đoạn trích: Hặc là một chàng trai mồ côi nhưng kết thúc đã có được những điều tốt đẹp như mong muốn. + Với tính trung thực, biết mong muốn những điều tốt đẹp đến cho thế gian nên lời cầu xin trời của chàng đã thành hiện thực: Trời đã mưa trong lúc hạn hán. Chàng cưới được người vợ xinh đẹp, đức hạnh, bản Hua Tát kén được chàng rể xứng đáng. + Kết thúc có hậu trong đoạn trích cũng chính là khát vọng về những điều tốt đẹp của con người được nhà văn gửi gắm qua tác phẩm. + Giá trị nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích: sử dụng yếu tố kì ảo kết hợp với yếu tố thực đã tạo nên sức hấp dẫn cho truyện hiện đại. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được từ 2 ý trở lên: 0.5 điểm.* *- Học sinh nêu được 1 ý: 0.25 điểm.*	0.5
		d. Triển khai ý đảm bảo các yêu cầu sau: - Đảm bảo bố cục của đoạn văn. - Trình bày đúng trọng tâm vấn đề nghị luận. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0.25 điểm.*	0.5

		- Luận điểm chưa rõ ràng, phân tích chung chung, sơ sài: 0.25 điểm	
		đ. Chính tả, diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. ***Hướng dẫn chấm:*** *không cho điểm nếu học sinh sai quá nhiều lỗi.*	0.25
		e. Sáng tạo Suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ… ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đạt 1 tiêu chí: 0.25 điểm.*	0.25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lối sống chủ động đối với tuổi trẻ.**	**4.0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài NLXH ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định được yêu cầu của kiểu bài: 0.25 điểm.* *- Học sinh không xác định được yêu cầu của kiểu bài: 0.0 điểm.*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Ý nghĩa của lối sống chủ động đối với tuổi trẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm.* *- Học sinh không xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.0 điểm.*	0.5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết * Xác định được các ý chính của bài viết. * Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: - Giải thích: Sống chủ động là luôn biết làm chủ cuộc sống của mình, đề ra mục tiêu và thực hiện chúng một cách hoàn thiện, không để người khác phải nhắc nhở những công việc liên quan đến bản thân mình. - Bàn luận: Sống chủ động có ý nghĩa quan trọng đối với con người, đặc biệt là thanh niên: + Mỗi con người chỉ được sống một lần, và mỗi chúng ta là người quyết định cuộc đời của chính mình. Không ai có thể sống hộ cho chúng ta. Vì vậy, mỗi người buộc phải chủ động để tạo dựng cuộc sống của mình. + Người sống ở thế chủ động sẽ lường trước được những khó khăn cũng như thuận lợi của cuộc sống, từ đó biết nắm bắt mọi cơ hội tốt hơn người sống ở thế bị động. Đối với thanh niên, chủ động là chìa khóa của thành công bởi họ có thể vạch rõ lộ trình cuộc đời mình. + Trong cuộc sống, mỗi con người ai cũng sẽ có lúc gặp phải khó khăn, gian khổ, trắc trở. Nếu không chủ động đối mặt và vượt qua, thì con người sẽ dễ dàng rơi vào tình trạng sợ hãi, bế tắc, mất phương hướng. Đặc biệt, ở lứa tuổi thanh niên, lứa tuổi phải đối mặt với nhiều thách thức của cuộc sống trong việc xây dựng giá trị bản thân. + Sống chủ động giúp con người trở nên năng động, sáng tạo. Đây là yêu cầu của một thanh niên, đặc biệt trong xã hội hiện đại và hội nhập ngày nay. - Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được từ 4 ý trở lên: 1.0 điểm.* *- Học sinh nêu được 3 ý : 0.75 điểm; 2 ý: 0.5 điểm; 1 ý: 0.25 điểm*	1.0
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:	1.5

		- Triển khai được đầy đủ các luận điểm để làm rõ yêu cầu của đề bài. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1.0-1.5 điểm.* *- Luận điểm khá rõ ràng, lập luận khá chặt chẽ, phân tích tương đối đầy đủ: 0.75-1.0 điểm* *- Ý chung chung, sơ sài: 0.25 điểm – 0.5 điểm.*	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết VB. ***Hướng dẫn chấm:*** *không cho điểm nếu học sinh sai quá nhiều lỗi.*	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ, có liên hệ, kết nối... ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh đạt 2 tiêu chí trở lên: 0.5 điểm.* *- Học sinh đạt 1 tiêu chí: 0.25 điểm.*	0.5
Tổng điểm			**10.0**

---- HẾT -----

ĐỀ 4	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Chúng ta ở đây, phút này, đang còn thở
để biết nỗi đau đã hoá thành ta
một phần không lìa bỏ
Nhưng chúng ta ở đây cũng đồng thời chứng tỏ
bản thân ta giàu sức mạnh hồi sinh
và tương lai luôn có chỗ cho mình
cũng như cho những con người can đảm
dám đối diện thay vì chán nản
xắn tay làm chứ không chịu ban ơn
biết mỉm cười thay vì chỉ thở than
kiên nhẫn đi tìm cánh cửa mình cần mở
Không hắt hủi cuộc đời, kể cả những nỗi đau
lựa chọn sống thế nào hơn là sống bao lâu
Chúng ta ở đây, phút này, đang còn thở...

(*Chúng ta ở đây, phút này...,* Nguyễn Bích Lan, *Sống trong chờ đợi*, Truyện ngắn và thơ, NXB Phụ nữ Việt Nam, tr 82)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5.

Câu 1 (0.5đ). Xác định thể thơ.

Câu 2 (0.5đ). Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3 (1.0đ). Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong bài thơ.

Câu 4 (1.0đ). Anh/chị hiểu những dòng thơ sau như thế nào?

"Không hắt hủi cuộc đời, kể cả những nỗi đau
Lựa chọn sống thế nào hơn là sống bao lâu"

Câu 5 (1.0đ). Thông điệp sâu sắc mà anh/chị rút ra từ bài thơ là gì? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật Gầu trong đoạn trích sau:

Bà nội mất sau một thời gian ốm dậy

Đưa bà ra nghĩa trang giáo xứ về, Gầu mệt quá ngả lưng lên chiếc giường tre của nội kê nơi góc tường.

Gầu nhớ lại cái đêm ngủ ở nhà với nội, nhớ lại giấc mơ nội vuốt tóc rồi gãi lưng cho nó, còn ôm nó vào lòng.

Gầu cũng nhớ tới ánh mắt hiền dịu hiếm hoi của nội mỗi khi nội duí vào tay nó một đồng bạc trả công sau những đêm mỏi lưng ngồi xếp cau. Những đồng bạc được bỏ vào con heo đất leng keng rộn rã, để dành mua quần áo mới mặc Tết cho anh em Gầu suốt bao nhiêu năm trời.

Nó cảm thấy cay cay nơi khoé mắt, rồi có hai dòng nước trào xuống hai bên má. Mắt nó nhoè đi.

Gấu bèn trở mình nằm sấp xuống giường úp mặt vào cánh tay, vừa lau nước mắt vừa ngăn tiếng nấc nghẹn nơi cổ họng.

Nắng ban trưa ngoài sân chợt hứng lên hắt vào nhà. Qua khe hở của các thanh tre, Gầu bỗng thấy có gì đó lấp lánh sáng dưới gầm giường. Nó lụi cụi chui vào rồi nhặt ra một đồng bạc bám đầy bụi.

Nó sực nhớ lại đồng bạc bà cho nó lúc nửa đêm từ lâu lắm rồi. Đồng bạc mà nó sung sướng cầm trên tay ngủ thiếp đi và đánh mất, để chẳng còn dịp nào mua cà rem cho nhỏ Hường nữa.

Gầu phủi sạch bụi, mân mê đồng bạc vừa tìm thấy, rồi lại nắm chặt trong tay, nằm xuống giường, và ngủ một giấc say sưa ngon lành.

(Trích *"Ngủ ở nhà nội"*, Nguyễn Ngọc Hoài Nam, Viết và đọc chuyên đề mùa hạ 2021, NXB Hội Nhà Văn, tr.63)

Câu 2 (4.0 điểm)

"Tôi của ngày hôm nay là những lựa chọn của tôi ngày hôm qua".

Từ ý kiến trên, anh/ chị viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự lựa chọn của con người trong cuộc sống.

……**HẾT…**…….

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần / câu	Đáp án	Điểm
I.	**ĐỌC – HIỂU**	**4**
Câu 1	***Thể thơ: Tự do*** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các chi tiết như đáp án: 1.0d* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	0.5
Câu 2	***Nhân vật trữ tình: "Chúng ta"*** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các chi tiết như đáp án: 1.0d* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý như đáp án: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	0.5

Câu 3	***- BPTT: Lặp cấu trúc "Chúng ta ở đây, phút này, đang còn thở"*** ***-Tác dụng:*** ***+ Nhấn mạnh thời điểm hiện tại chúng ta đang sống là có ý nghĩa nhất. Thể hiện tình yêu, sự biết ơn, trân trọng từng giây phút của cuộc đời.*** ***+ Làm cho đoạn thơ giàu nhạc điệu, được liên kết chặt chẽ*** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các chi tiết như đáp án: 1.0d* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý như đáp án: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1.0
Câu 4	***"Không hắt hủi cuộc đời, kể cả những nỗi đau*** ***Lựa chọn sống thế nào hơn là sống bao lâu"*** ***- Dòng thơ khuyên con người phải trân trọng cuộc đời, trân trọng những đau thương, mất mát; chọn cho mình một lối sống có ý nghĩa.*** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các chi tiết như đáp án: 1.0đ* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý như đáp án: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1.0
Câu 5	***Thông điệp:*** ***- Chỉ cần chúng ta còn sống thì có thể đối diện và vượt qua mọi khó khăn.*** ***- Biết trân quý giây phút của hiện tại*** ***- Hãy kiên nhẫn đi tìm con đường cho mình và chắc chắn ta sẽ tìm thấy cánh cửa mình cần mở.*** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các chi tiết như đáp án: 1.0d* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý như đáp án: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1.0
II.	**VIẾT**	**6**
Câu 1	**Đoạn văn nghị luận về tâm trạng của nhân vật Gầu trong đoạn trích.**	**2**
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tâm trạng của nhân vật Gầu trong đoạn trích truyện ngắn.	0,25
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận ** Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề phù hợp, sau đây là một số gợi ý:* ***- Mở đoạn:** Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả: Truyện ngắn "Ngủ ở nhà nội" (Nguyễn Ngọc Hoài Nam), nhân vật Gầu.* ***- Thân đoạn:** Có thể triển khai như sau:* *+ Tâm trạng của nhân vật Gầu sau khi trở về từ đám tang của bà nội.* */ Nỗi nhớ da diết của nhân vật Gầu về những kỷ niệm khi bà còn sống: Đó là kỉ niệm đêm ngủ ở nhà nội, nhớ lại những hành động yêu thương, chăm sóc, nhớ ánh mắt hiền từ , nhớ đồng bạc nội trả công sau mỗi lần xếp cau giúp nội.* */ Gầu rơi nước mắt.* *+ Qua nhân vật Gầu, nhà văn gửi tới người đọc thông điệp về tình cảm gia đình, đặc biệt là tình bac cháu. Hình ảnh bà luôn là hình ảnh*	1.0

	đẹp mà chúng ta mang theo. *+ Nghệ thuật: Tâm trạng của nhân vật Gầu được miêu tả qua điểm nhìn bên ngoài (điểm nhìn của người kể chuyện). Tác giả sử dụng nhiều câu văn ngắn, ngôn ngữ giản dị, gần gũi.* ***- Kết đoạn:*** *Nhân vật Gầu đã góp phần gửi gắm chủ đề tư tưởng của tác phẩm nói chung và đoạn trích nói riêng. Đó là tình cảm thiêng liêng và đáng trân trọng trong cuộc đời.*	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Không cho điểm nếu bài làm có nhiều hơn 03 lỗi chính tả và ngữ pháp.*	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận vấn đề; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.*	0,25
Câu 2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự lựa chọn của con người trong cuộc sống.**	**4**
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.	*0,5*
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Sự lựa chọn của con người trong cuộc sống.	*0,5*
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành cách luận điểm. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo yêu cầu sau: ***Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Sự lựa chọn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi người trong cuộc sống. ***Thân bài**: **- Giải thích:** Lựa chọn là chọn giữa nhiều cái cùng loại hoặc khác loại dựa trên thông tin, giá trị, mục tiêu, tình cảm, tình huống… **- Bàn luận:** + Sự lựa chọn là kim chỉ nam của cuộc đời nên chỉ khi lựa chọn đúng thì cuộc đời mới có hạnh phúc. Lựa chọn đúng sẽ khiến ta đi đúng đường, an vui và thành công. + Lựa chọn sai lầm sẽ khiến ta đi sai đường và khó đạt được thành công. + Cần biết cách lựa chọn và chịu trách nhiệm với sự lựa chọn của mình. **- Bác bỏ:** Phê phán tư tưởng sống thuận theo tự nhiên, không cần phải lựa chọn hoặc sợ sệt lúng túng không biết lựa chọn như thế nào. **- Bài học:** + Mỗi người cần có sự lựa chọn của riêng mình. + Cần suy nghĩ, cân nhắc kỹ trước khi đưa ra sự lựa chọn + Dù lựa chọn là đúng đắn hay sai lầm vẫn phải cố gắng, nỗ lực trong cuộc sống. ***Kết bài**: Khẳng định vấn đề cần NL ***Hướng dẫn chấm:***	*2,0*

	- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0điểm *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm – 1.75 điểm* *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm* ***Lưu ý:** Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp.*	*0,5*
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:** Học sinh có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.*	*0,5*
	Tổng điểm	**10**

ĐỀ 5	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Trái tim anh bỗng rung rinh trở lại
Ấy là lúc làn gió heo may thổi khẽ bên sàn
Sấm bất chợt rùng mình bên tóc trắng
Là những giọt hồng cầu rắc rối chạy về tim.

Vầng mây thu điểm xuyết như lúm má đồng tiền
Trời xanh cao hút hồn mặt đất
Trái tim nhỏ, cất vào đâu cũng chật
Những nỗi niềm như con suối trào dâng.

Biết bầu trời còn mây bão ngổn ngang
Cũng se se lòng mình heo may gió thổi
Mỗi ban mai
Một mái tóc trắng ngời đứng đợi
Mùa thu xanh tặng trái tim xanh.

(Lò Cao Nhum, *Cảm xúc mùa thu,* NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009)

Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Mùa thu trong văn bản trên được miêu tả qua những hình ảnh thiên nhiên nào?

Câu 3. Nêu tác dụng của phép tu từ so sánh trong đoạn thơ sau:

Vầng mây thu điểm xuyết như lúm má đồng tiền
Trời xanh cao hút hồn mặt đất
Trái tim nhỏ, cất vào đâu cũng chật
Những nỗi niềm như con suối trào dâng.

Câu 4. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản trên.

Câu 5. Từ nội dung của các dòng thơ: *Mỗi ban mai/Một mái tóc trắng ngời đứng đợi/Mùa thu xanh tặng trái tim xanh* trên đã đem lại cho anh/ chị cảm nhận gì về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm):

Anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của mùa thu qua cảm nhận của nhân vật trữ tình "anh"trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sự sáng tạo của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.

……..Hết……

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

A. LƯU Ý CHUNG:

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có tư duy khoa học, lập luận sắc sảo, có khả năng cảm thụ văn học và tính sáng tạo cao.
- Tổng điểm toàn bài là 10,0 điểm, cho điểm lẻ đến 0,25 điểm.

B. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Thể thơ: tự do *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được như đáp án: 0,5 điểm* *- Trả lời sai/ Không trả lời: 0.0 điểm*	0,5
	2	- Theo văn bản, mùa thu được miêu tả qua những hình ảnh thiên nhiên: *+ gió heo may thổi; sấm* *+ mây thu điểm xuyết; trời xanh cao* *Hướng dẫn chấm:* *+ Học sinh trả lời như ý của đáp án: 0,5 điểm.* *+ Trả lời 01 ý: 0,25 điểm* *+ Trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	0,5
	3	- Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm/ làm cho câu thơ sinh động hơn; + Lời thơ nhấn mạnh nỗi niềm trào dâng của tác giả trước vẻ đẹp của mùa thu; + Tình yêu thiên nhiên, yêu con người và cuộc sống của tác giả. *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh trả lời như ý của đáp án: 1,0 (điểm* *-Trả lời được tác dụng về mặt nội dung: 0,75 điểm* *- Trả lời được 01 ý về nội dung và 01 ý về nghệ thuật (hình thức): 0,5 điểm* *- Trả lời được tác dụng về mặt nghệ thuật (hình thức): 0,25 điểm* *- HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	1,0
	4	Cảm hứng chủ đạo của văn bản: - Vẻ đẹp của mùa thu - Tình cảm tha thiết gắn bó của tác giả với thiên nhiên.	1,0

		Hướng dẫn chấm: *- Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm* *- Trả lời được 01 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	
	5	Học sinh có thể nêu những nội dung khác nhau, có thể với một trong các gợi ý sau: - Thiên nhiên và con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. - Thiên nhiên đem lại sự thư thái, phong phú hơn cho cuộc sống của con người … *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh như gợi ý: 1,0 điểm.* *- Trả lời được 01 ý: 0,5 điểm* *- Trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.* ***Lưu ý:** Học sinh có thể trả lời bằng cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của mùa thu qua cảm nhận của nhân vật trữ tình "anh"trong văn bản ở phần Đọc hiểu.**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: -Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành - Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn Có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. *Mở đoạn* nêu được vấn đề, *thân đoạn* triển khai được vấn đề, *kết đoạn* kết luận được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Vẻ đẹp của mùa thu qua cảm nhận của nhân vật trữ tình "anh" trong văn bản ở phần Đọc hiểu.**	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận một cách hợp lí; có sự liên kết chặt chẽ; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng. Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau: - Mùa thu thơ mộng, lãng mạn mang lại cảm giác xôn xao, nôn nao trong lòng nhân vật trữ tình hình ảnh: *làn gió heo may thổi khẽ bên sàn, sấm bất chợt rùng mình; vầng mây thu điểm xuyết; trời xanh cao hút hồn mặt đất…)* - Thiên nhiên mùa thu trở nên hữu tình, da diết gắn bó hơn với con người. (hình ảnh:*Trái tim anh bỗng rung rinh trở lại; những nỗi niềm như con suối trào dâng; se se lòng mình heo may gió thổi; mùa thu xanh tặng trái tim xanh…)* - Tác giả đã dùng những từ ngữ giản dị, mộc mạc để miêu tả thiên nhiên mùa thu ; Biện pháp tu từ được vận dụng một cách linh hoạt mang lại điểm nhấn cho bài thơ => góp phần tạo nên một bức tranh thiên nhiên rất đẹp thơ mộng, lãng mạn và đặc trưng của mùa thu. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0,75 điểm*	1,0

		- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 0,5 điểm *- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm* ❖ *Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	
		d. Diễn đạt**:* Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. ***Hướng dẫn chấm: *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0,25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sự sáng tạo của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.**	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài và cấu trúc -Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội. - Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Sự sáng tạo của tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.** ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.* *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.*	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		• Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.	0,5
		• Triển khai vấn đề: - Giải thích : sáng tạo là sự say mê tìm tòi để tìm ra những phương pháp, cách thức tốt hơn so với phương pháp đã có; để tạo ra những giá trị mới mẻ về vật chất hoặc tinh thần - Bàn luận: Sự sáng tạo cần được kêu gọi, khích lệ ở mọi lĩnh vực, mọi lứa tuổi, song đặc biệt cần thiết đối với giới trẻ, vì: + Cuộc sống luôn thay đổi từng ngày, những người trẻ tuổi nếu không có sự sáng tạo sẽ bị thụt lùi so với thời cuộc, thậm chí bị đào thải; + Tuổi trẻ là những người đang ở giai đoạn tràn đầy năng lượng, có sự năng động và nhiệt huyết, chính vì vậy cần có sự thay đổi và bứt phá, tìm ra những phương pháp mới mẻ, hiệu quả hơn để tạo ra những giá trị ưu việt hơn cho cuộc đời; + Những người trẻ tuổi càng năng động sáng tạo càng phát huy được năng lực, khẳng định được giá trị của bản thân, thích nghi với thời cuộc, cống hiến được nhiều hơn cho đời sống xã hội (nêu dẫn chứng về sự sáng tạo	1,5

		của tuổi trẻ). - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn + Liên hệ thực tế, nhiều người bị sức ì của tư duy, hoặc không ý thức được sự cần thiết nên không có sự sáng tạo trong công việc + Sáng tạo không có nghĩa là cố tình phải làm khác đi, thay đổi hoàn toàn, sáng tạo cần phải dựa trên việc xem xét tình hình thực tế, phù hợp và hiệu quả. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,25 - 1,5 điểm).* *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 - 1,0 điểm).* *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 - 0,75 điểm).* ❖ ***Lưu ý:*** *HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	
		• Kết luận: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh khẳng định lại quan điểm cá nhân: 0,25 điểm.* *- Học sinh nêu được bài học của bản thân: 0,25 điểm.*	0,5
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0,5
Tổng điểm			**10,0**

…… Hết……

ĐỀ 6	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau :

PHIÊN BẢN TUYỆT NHẤT CỦA CHÍNH MÌNH

Bắt đầu từ một độ tuổi nhất định, "người ta có gương mặt mà mình xứng đáng". Coco Chanel đã nói thẳng ra - người ta hiểu tính khí khắt khe đã đi vào truyền thuyết của bà. Nhưng óc tưởng tượng của người Paris không hề cho rằng bà đã sai.

Trên phố, trong quán cà phê, trên xe bus, gương mặt mỗi người đều mang một câu chuyện, tựa hồ như một quả cầu pha lê mà qua đó ta có thể đọc được quá khứ. Những mối tình hạnh phúc hay vô

vọng, những khởi đầu, những hi vọng và chiến công, những chặng đường đan xen giữa thành công và biến cố.

Những biểu lộ ấy cùng cách chúng ta thay đổi tạo nên tấm thẻ căn cước của chúng ta. Tất thảy đều hiển hiện ở đó, trước con mắt nhân gian.

Ta may mắn sinh ra với một gương mặt phù hợp với mình. Hoặc không.

[…]

Tốt hơn là nên sống đúng tuổi chứ không phải trẻ mãi không già. Đã từ lâu, ta biết rằng cậy nhờ đến phẫu thuật quá đà, ngược đời thay, lại chỉ khiến chúng ta có vẻ già hơn mà thôi.

[…]

Phụ nữ Paris không cố gắng tỏ ra khác với những gì mình có. Bởi thật ra, trên cả nhu cầu ra vẻ trẻ trung - một điều thật hão huyền - thì mục đích tiên quyết của họ là trở thành phiên bản hoàn hảo nhất của chính mình, cả bên ngoài lẫn bên trong, không kể chi tuổi tác.

Nàng chỉ chăm chăm giữ trong đầu một điều răn duy nhất: "Hãy tận dụng gương mặt ngày hôm nay của ngươi, gương mặt mà mười năm sau ngươi sẽ nuối tiếc."

(Trích **"Sống như người Paris**", Nhóm tác giả: ***Anna Berest, Audrey Diwan, Carolin de Maigret*** *và* ***Sophie Mas***, trang 136-137, NXB Thế giới, 2016)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra mục đích tiên quyết của phụ nữ Paris được nhắc đến ở đoạn trích trên.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau: *Trên phố, trong quán cà phê, trên xe bus, gương mặt mỗi người đều mang một câu chuyện, tựa hồ như một quả cầu pha lê mà qua đó ta có thể đọc được quá khứ.*

Câu 4. Nêu cách hiểu của anh/chị về ý kiến: *Tốt hơn là nên sống đúng tuổi chứ không phải trẻ mãi không già.*

Câu 5. Hãy phác thảo phiên bản "tuyệt nhất của chính mình" mà anh/chị hướng đến trong tương lai.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung ở phần Đọc -hiểu, hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ của bản thân anh/ chị về ý nghĩa của việc nỗ lực trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.

Câu 2. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích sau:

Đoạn trích thứ nhất:

(Giới thiệu sơ lược về tác phẩm: Truyện kể về nhân vật Tường - Tường đã lập gia đình và đi bộ đội hơn sáu năm không có tin tức gì. Hòa bình, anh may mắn còn sống sót trở về làng với gương mặt "đã chết" khó mà nhận ra. Mặc cảm với điều đó, anh đã tự giới thiệu mình với mọi người ở làng là bạn chiến đấu của anh Tường ghé thăm. Đoạn trích dưới đây đã tái hiện lại rõ nét những cảm xúc, tâm trạng của Tường khi sắp về tới nhà.)

Tối chạng vạng.

Tường bước vội trên con đường lát gạch về làng Trọng Nhân. Hơn sáu năm đi xa, chắc bây giờ mẹ anh già lắm. Có già như bà Còm không. Anh đổi khác, mẹ anh có nhận ra không. Còn bố anh có còn đi làm thợ thùng đào, thùng đấu nữa không. Cái nghề ấy khổ lắm bố ơi. Và Thương nữa! Tường nhớ lại cây đa hai trăm tuổi đã nhiều lần chứng kiến tình yêu của anh. Ôi! Những giọt trăng lọt qua kẽ lá rơi xuống tóc, vai Thương. Mùi hương bưởi thoảng bay ra từ suối tóc mây.

*(**Lược trích:*** Lòng anh rạo rực. Anh tưởng tượng cảnh cha mẹ và vợ sẽ vui biết chừng nào khi gặp lại anh. Nhưng vừa tới ngõ, Tường đã nghe được câu chuyện giữa cha mình và vợ.)

- Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu.

Tường bừng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.

- Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về.

Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đằm thắm.

- Bố rất quý cái nết anh giáo Mười. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.

Tai Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mất mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trố ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha. Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ...

Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hẫng hụt.

(Trích *Đêm làng Trọng Nhân,* Sương Nguyệt Minh, NXB Quân đội nhân dân, 1998)

Đoạn trích thứ hai:

(Giới thiệu sơ lược về tác phẩm: Truyện kể về ông Miêng - một người lính bước ra khỏi cuộc chiến với nhiều thương tổn. Ông là người duy nhất của đơn vị sống sót, đồng đội đã nằm lại trên đồi. Hoà bình lập lại, ông về sống tại khu đồi xưa là chiến trường, trồng cây, canh giấc cho những người đã ngã xuống. Bất hạnh liên tiếp bủa vây ông khi con bị dị dạng và chết, vợ bỏ đi …)

Rồi vợ ông mang thai, ông ôm vợ và nói: "Chúng mình sẽ có một thằng con trai. Vùng đồi này sẽ có thêm một người và ông có thêm một người trồng thông". Nhưng ngày vợ ông sinh là ngày khủng khiếp nhất đời ông. Đứa bé không thành người. Nó chết ngay sau khi được sinh ra. Ông đã bọc đứa con trong chiếc áo lính bạc trắng của mình và đi quá nửa ngày đường xe trâu đưa đứa bé về vùng đồi. Ông chôn đứa bé trên đỉnh đồi nơi cả tiểu đội của ông đã nằm ở đó. Những ngày sau đó thỉnh thoảng ông để cho vợ đánh chiếc xe trâu lọc cọc về thị xã chơi với người quen cho khuây khoả. Còn ông lại lao vào trồng thông từ sáng đến tối. Vợ ông xuống thị xã và đôi khi ở lại vài ba ngày. Nhiều đêm chị hoảng hốt đòi ông trở về quê. Nhưng ông chỉ im lặng. Ông quyết liệt trồng thông phủ kín những quả đồi và quyết liệt có con. Vợ ông mỗi ngày một ít nói và đánh xe trâu về thị xã nhiều hơn. Cho đến một ngày, ông không thấy vợ trở về. Ông về thị xã tìm vợ. Vợ ông để lại chiếc xe trâu ở nhà người quen cùng với lời xin ông tha thứ và vĩnh biệt ông. Vợ ông đã không chịu nổi cuộc sống ngày dương đêm âm của vùng đồi. Và chị quá sợ hãi phải sinh nở với ông. Ông chỉ có thể sinh ra những đứa trẻ không thành người. Chị đã bỏ ông, bỏ vùng đồi đi theo một người đàn ông khác mà chị gặp trong những lần đánh xe trâu về thị xã.

Ông chết lặng khi nghe tin ấy. Và lần đầu tiên trong đời ông thấy mình như không còn một chút sức lực nào nữa. Ông tựa vào con trâu và run lẩy bẩy. Ông không đi tìm vợ. Ông cũng không có ý đánh xe trở về vùng đồi. Ra khỏi thị xã. Ông nằm xuống thùng xe và mặc cho con trâu kéo cỗ xe đi về đâu thì đi. Ông nằm trên đống cỏ đã héo khô trên thùng xe, người như lên cơn sốt. Mặt trời dần tắt. Bóng tối phủ dần lên con đường. Con trâu vẫn kiên nhẫn bước đi từng bước.

(Trích *Lời hứa của thời gian*, Nguyễn Quang Thiều, *Tuyển tập truyện ngắn 75 gương mặt Văn nghệ*, NXB Hội nhà văn, 2023, tr.551)

Chú thích:

(1) Tác giả Sương Nguyệt Minh sinh năm 1958, quê ở Ninh Bình. Là nhà văn quân đội được đánh giá là có đôi mắt tinh tường khi anh nhìn đời để viết nên những trang văn đầy chất trào lộng, dí dỏm mà cũng thật chua cay...

(2) Tác giả Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957, quê ở Hà Nội. Là cây bút đa năng và sung sức, xuất hiện thường xuyên trên văn đàn, báo chí.

……Hết……

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

I/ Yêu cầu chung:

1. Giáo viên nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, *có tính định hướng, định tính* chứ *không định lượng*. Giáo viên cần hết sức linh hoạt khi vận dụng; trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí và có sức thuyết phục.

2. Tổng điểm toàn bài là 10,0 điểm, cho điểm lẻ đến 0,25 điểm.

II/ Hướng dẫn chấm:

Phần	Câu	Nội dung	Đ
I		**PHẦN ĐỌC HIỂU**	
	1	Vấn đề bàn luận: Phiên bản tuyệt nhất của chính mình	

		Hướng dẫn chấm: *- HS trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm* *- HS không trả lời đúng : không cho điểm.*	
	2	Mục đích tiên quyết của phụ nữ Paris: *trở thành phiên bản hoàn hảo nhất của chính mình, cả bên ngoài lẫn bên trong, không kể chi tuổi tác.* ***Hướng dẫn chấm:*** *- HS trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm* *- HS không trả lời đúng : không cho điểm.*	
	3	- Biện pháp so sánh*: gương mặt mỗi người đều mang một câu chuyện* (tựa hồ) như *quả cầu pha lê* - Tác dụng: + Nhấn mạnh khả năng biểu đạt thế giới nội tâm, cuộc đời, số phận của gương mặt mỗi người. + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt, khiến câu văn sinh động, giàu hình ảnh. ***Hướng dẫn chấm:*** *- HS nêu được 02 ý: 1,0 điểm* *- HS nêu được 01 ý: 0,5 điểm* *- HS không trả lời đúng ý nào: không cho điểm.* **Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí.*	
	4	+ "Trẻ mãi không già" là điều bất khả kháng, nó trái với qui luật tự nhiên nên khó xảy ra trong thực tế. + Mỗi độ tuổi có một vẻ đẹp và giá trị riêng, vì vậy nên sống đúng tuổi, cảm nhận được ý nghĩa đích thực của mỗi thời điểm trong cuộc đời mới là điều nên làm. ***Hướng dẫn chấm:*** *- HS nêu được 02 ý: 1.0 điểm* *- HS nêu được 01 ý: 0,5 điểm* *- HS không trả lời đúng ý nào: không cho điểm.* **Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí.*	
	5	HS tự do xây dựng hình ảnh "tuyệt nhất" của chính mình trong tương lai. Gợi ý: - Có việc làm ổn định, thu nhập tốt - Thường xuyên du lịch, trải nghiệm, khám phá thế giới tự nhiên, con người và cuộc sống xung quanh - Chăm sóc tốt bản thân: sức khoẻ thể chất, sức khoẻ tinh thần - Có một lối sống trong sáng, lành mạnh, khoa học - Có đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội ***Hướng dẫn chấm:*** *- HS nêu và lí giải hợp lí được 03 ý trở lên : 1.0 điểm* *- HS nêu và lí giải hợp lí được 02 ý: 0.5 điểm* *- HS nêu và lí giải hợp lí được 01 ý: 0.25 điểm* *- HS không trả lời đúng ý nào: không cho điểm.* ****Lưu ý:** Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục hoặc học sinh có thể trả lời bằng cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	
II		**LÀM VĂN**	
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ của bản thân anh/ chị về ý nghĩa của việc nỗ lực trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.	**2**

		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức một đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của việc nỗ lực trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.	0
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Xác định được các ý phù hợp đề làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Thể hiện nhận thức sâu sắc về lẽ sống, là lối sống đúng đắn, đem lại lợi ích cho bản thân và giá trị cho cộng đồng xã hội. + Tạo ra cảm giác thoả mãn, hài lòng, tự tin về bản thân, đem lại năng lượng tích cực cho chính mình và những người xung quanh. + Được mọi người yêu mến, tin tưởng… ***Hướng dẫn chấm:*** *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. (0,75 điểm)* *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu. (0,5 điểm)* *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề cần nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp. (0,25 điểm)* *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng, miễn là hợp lí*	1
		d.Viết đoạn văn bảo đảm yêu cầu sau Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích.	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	
		b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Điểm tương đồng và khác biệt trong hai đoạn trích. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.* *- Học sinh chưa xác định vấn đề nghị luận: 0,0 điểm.*	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: • Giới thiệu hai tác giả, hai tác phẩm; nêu vấn đề nghị luận. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trình bày được 02 ý: 0,5 điểm*	

		- Học sinh trình bày được 01 ý: 0,25 điểm * Triển khai vấn đề nghị luận: ***- Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.*** + Đề tài và chủ đề hai tác phẩm có nhiều điểm tương đồng: ++ Đều viết về cuộc đời, số phận, phẩm chất của những người lính thời hậu chiến: Họ đều là những người lính kiên cường trong cuộc chiến, bước ra khỏi chiến tranh với nhiều thương tổn, mất mát; hoà bình lập lại vẫn tiếp tục chịu nhiều bất hạnh, thiệt thòi. ++ Nhà văn thể hiện thái độ vừa lên án chiến tranh vừa cảm thông trước những thiệt thòi, mất mát; đồng thời trân trọng sự hi sinh, vị tha của họ. + Nghệ thuật: ++ Người kể chuyện ngôi thứ ba, là người kể chuyện toàn tri, giúp cho cuộc đời nhân vật hiện lên vừa khách quan vừa chân thực, cụ thể. ++ Ngôn ngữ, giọng điệu, cách miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc. ***- Những điểm khác biệt của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật:*** + Cách xây dựng nhân vật: Tường được khắc họa ở phẩm chất vị tha, sự tự ti về chính mình: Do mặc cảm về hình hài của bản thân nên anh nén tình cảm của mình lại, muốn bỏ đi để giữ gìn sự bình yên và hạnh phúc của những người thân yêu…; Ông Miêng là người tình sâu nghĩa nặng, một người lính trung tín; tính cách có phần trầm lặng, cô độc + Cách xây dựng cốt truyện: Sương Nguyệt Minh đặt nhân vật vào những tình huống éo le buộc phải lựa chọn; Nguyễn Quang Thiều để nhân vật lựa chọn hoàn cảnh sống, lí tưởng sống của mình… ***- Lí giải điểm tương đồng, điểm khác biệt:*** quan điểm, phong cách, … ***- Đánh giá chung:*** + Chủ đề của hai tác phẩm: Đoạn trích khắc hoạ thân phận éo le, ngang trái của người lính trở về sau chiến tranh, từ đó nhà văn thể hiện thái độ cảm thông trước những thiệt thòi, mất mát; đồng thời trân trọng sự hi sinh, vị tha của họ. +Số phận và tính cách của các nhân vật tiêu biểu cho thân phận và vẻ đẹp của những người lính thời hậu chiến. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm* *- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 1,75 điểm.* *- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm* *- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm*	
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:*** *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*	
Tổng điểm			

---------- HẾT ----------

ĐỀ 7	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi
Lưng núi thì to, mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi…

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đạp rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn.

(Theo Nguyễn Khoa Điềm, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ,* in trong *Đất và khát vọng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nêu hai phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Dựa vào văn bản, hãy kể ra những việc làm của người mẹ.

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Câu 5. Từ bài thơ, hãy cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong kháng chiến (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. ***(2.0 điểm)***

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh "lưng mẹ" trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. ***(4.0 điểm)***

Nhà thơ Mỹ Robert Frost có hai câu thơ, đại ý: *Trong rừng có nhiều lối đi/ Và tôi chọn lối đi chưa có dấu chân người.*

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề được gợi lên từ hai câu thơ trên.

---------- **HẾT** ----------

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**Đọc hiểu**	**4,0**

	1	Hai phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả. ***Hướng dẫn chấm**:* *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.* *- Học sinh trả lời được 01 ý: 0.25 điểm* *- Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.*	0,5
	2	*Những việc làm của người mẹ: tỉa bắp, chuyển lán, đạp rừng, địu em đi giành trận cuối* ***Hướng dẫn chấm**:* *- Học sinh trả lời được 03 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm.* *- Học sinh trả lời được 01-02 chi tiết: 0,25 điểm* *- Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.*	0,5
	3	Chủ đề của văn bản: Từ hình ảnh người mẹ vừa nuôi con vừa làm việc và chiến đấu, bài thơ ca ngợi những người mẹ trong kháng chiến không chỉ yêu thương con tha thiết mà còn có tình yêu sâu đậm với quê hương, đất nước trong những năm tháng chiến tranh. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh trả lời tương đối đầy đủ như đáp án:0.5 – 0.75 điểm* *- Học sinh trả lời sơ sài: 0.25 điểm* *- Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng: không cho điểm.*	1,0
	4	- Biện pháp tu từ ẩn dụ: hình ảnh "mặt trời của mẹ" (0,25) - Tác dụng: (0,75) + Giúp cho cách diễn đạt trở nên cụ thể, tăng sức gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn cho câu thơ + Diễn tả và nhấn mạnh em bé chính là nguồn sống, nguồn động lực to lớn đối với người mẹ + Tác giả nhấn mạnh vẻ đẹp của tình mẫu tử. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm* *- Học sinh không trả lời/ trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.*	1,0
	5	Cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong kháng chiến: - Người mẹ có tình yêu thương con tha thiết - Người mẹ có tình yêu công việc, yêu lao động - Người mẹ có tình yêu làng bản, quê hương, đất nước và kháng chiến ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh trả lời được 02 ý như đáp án: 0.75 điểm* *- Học sinh trả lời được 01 ý như đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh không trả lời/trả lời không đúng: không cho điểm*	1,0
II		**Viết**	**6.0**
	1	***Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh "lưng mẹ" trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.***	**2.0**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn *Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình ảnh *lưng mẹ* trong bài thơ.	0.25

		c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu *Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:* - Lưng mẹ là biểu tượng của tình yêu thương ấm áp, là chỗ dựa vững chắc, nuôi con lớn khôn từng ngày. - Lưng mẹ là biểu tượng cho tinh thần lao động và chiến đấu, bảo vệ con, bản làng và quê hương đất nước.	1.0
		d. Diễn đạt *Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.*	0.25
		đ. Sáng tạo *Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ*	0.25
	2	**Viết một bài văn nghị luận *(khoảng 600 chữ)* trình bày suy nghĩ về vấn đề được gợi lên từ hai câu thơ của nhà thơ Mỹ Robert Frost, đại ý: *Trong rừng có nhiều lối đi/ Và tôi chọn lối đi chưa có dấu chân người.***	**4.0**
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận *Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn*	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Tầm quan trọng của việc biết lựa chọn hướng đi riêng, sáng tạo, chủ động.	0.5
		c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu *Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:* ** Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.* ** Thân bài:* *- Giải thích:* *+ Trong rừng có nhiều lối đi*: cuộc sống có nhiều con đường, nhiều cách thức để mỗi người có sự lựa chọn riêng cho cuộc tồn sinh và phát triển. *+ Lối đi không có dấu chân người:* lối đi mới, cách nghĩ mới, lối sống mới, sáng tạo *+ Tôi chọn:* thể hiện sự chủ động, quyết định mang tính cá nhân. *> Giải thích ý nghĩa cả câu:* Cả câu khẳng định mỗi người cần có sự lựa chọn riêng mới mẻ, sáng tạo trên hành trình của cuộc đời. - Bàn luận: *Con người cần có lựa chọn lối đi riêng, mới mẻ vì:* + Mỗi người có nhận thức và cách nghĩ riêng + Lựa chọn lối đi riêng sẽ cho ta những cơ hội để trải nghiệm + Giúp con người trở nên chủ động, phát huy được sở trường, bản lĩnh - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác: + Lối đi riêng không có nghĩa là lập dị, tách biệt với xã hội + Lối đi riêng cũng không có nghĩa là tìm cách để chuộc lợi cho bản thân + Muốn đi lối riêng, con người cũng phải không ngừng trau dồi trí tuệ, nhân cách - Giải pháp: + Phải có suy nghĩ chín chắn chứ không tùy tiện + Phải dám chấp nhận những thất bại có thể xảy đến + Phải học hỏi từ những người có kinh nghiệm * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận *Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	2.5
		d. Diễn đạt *Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.*	0.25

		đ. Sáng tạo *Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.*	0.5
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 8	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Mẹ quê mãi mãi mẹ quê
Con đường nho nhỏ đi về thân quen
Cả đời nào biết bon chen
Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn
Miếng ăn dành để luân phiên
Sợ mùa thất bát lại phiền cháu con
Quanh năm lam lũ héo hon
Quên thời con gái môi son áo hồng
Kể từ cất bước theo chồng
Mùi bùn đã ngấm, nâu sồng đã thân
Thế mà đã mấy chục năm
Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn
Gió chiều thổi nhẹ từng cơn
Long lanh ánh mắt mẹ buồn xa xăm
Lắng nghe giọng hát xa gần
Mẹ già chuối chín… vạn lần nhớ thương!

(Theo Nguyễn Minh Quang, *Mẹ quê*, in trong *Hạnh ngộ 5*, NXB Văn nghệ TP.HCM, 2008)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Trong văn bản trên, ngoại hình và phẩm chất của *mẹ quê* được khắc họa qua những chi tiết nào?

Câu 3. Phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: "*Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn*".

Câu 4. Trình bày chủ đề của văn bản trên.

Câu 5. Nhận xét về cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống cũng như vẻ đẹp tài năng – tâm hồn của tác giả Nguyễn Minh Quang được thể hiện trong văn bản trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 ***(2,0 điểm)***

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh *mẹ quê* qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 ***(4,0 điểm)***

Sự kì vọng tạo ra áp lực hay động lực?

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

---------- HẾT ----------

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Hình thức được tạo dựng và duy trì bằng các cặp câu thơ (gồm một câu thơ sáu chữ và một câu thơ tám chữ) lần lượt nối tiếp nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ lục bát của văn bản. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời đầy đủ như Đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được một ý như Đáp án: 0.25 điểm* *- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm*	0,5
	2	Trong văn bản trên, hình tượng *mẹ quê* được khắc họa qua những chi tiết sau: - Ngoại hình: "*nhuộm đen màu phèn*", "*Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn*", "*quanh năm lam lũ héo hon*", *"long lanh ánh mắt*". - Phẩm chất: "*hiền như cục đất*", "*miếng ăn dành để luân phiên*", "*mùi bùn đã ngấm, nâu sồng đã thân*". ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời được 6 – 7 chi tiết như Đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được 4 – 5 chi tiết như Đáp án: 0.25 điểm* *- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm*	0,5
	3	Hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh (ví *Mẹ quê* "*hiền*" như "*cục đất*") trong câu thơ "*Hiền như cục đất nhuộm đen màu phèn*": - Khiến cho lời thơ sinh động, tăng sức gợi hình – gợi cảm, làm giàu giá trị biểu đạt - biểu cảm cho sự diễn đạt. - Giúp người đọc hình dung cụ thể, cảm nhận rõ nét về nỗi vất vả, nhọc nhằn của công việc đồng áng được khắc họa trong văn bản; cũng như khắc họa sinh động tính cách hiền lành, giản dị, cam chịu của người mẹ thân thương ở quê nhà - Từ đó thể hiện tấm lòng hiếu thảo, tình yêu thương tha thiết, thái độ trân trọng cùng nỗi xót xa, trăn trở của chủ thể trữ tình về sự hi sinh vĩ đại của mẹ, ý thức sâu sắc về trách nhiệm của người con trong việc đền đáp công ơn sinh dưỡng của mẹ. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được 2 ý như Đáp án: 0.75 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được 1 ý như Đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm*	1,0
	4	Ghi lại những cảm nhận chân thực, sinh động về sự hi sinh thầm lặng nhưng vĩ đại của người mẹ trong gia đình thôn quê, bài thơ *Mẹ quê* (Nguyễn Minh Quang) đã thể hiện rõ nét tình yêu thương, thái độ trân trọng, tấm lòng biết ơn của người con dành cho mẹ; qua đó tác giả trực tiếp	1,0

		bày tỏ thái độ ca ngợi, tri ân đức hi sinh của mẹ, đề cao tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương tự với Đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được một phần nội dung như Đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm*	
	5	Thí sinh có thể trình bày suy nghĩ của bản thân về cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống cũng như vẻ đẹp tài năng – tâm hồn của tác giả Nguyễn Minh Quang được thể hiện trong văn bản trên. Có thể theo hướng: - Nguyễn Minh Quang có cách quan sát, cảm nhận con người và cuộc sống chân thực, sinh động, tỉ mỉ. - Nguyễn Minh Quang cũng là nhà thơ có khả năng sử dụng tiếng Việt nhuần nhuyễn, khéo léo khai thác chất liệu văn học dân gian Việt Nam và có thái độ trân trọng, tôn quý đối với ngôn ngữ và văn học dân tộc… ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời được đầy đủ như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương tự với Đáp án: 1.0 điểm* *- Học sinh chỉ trả lời được một phần nội dung như Đáp án: 0.5 điểm* *- Học sinh không trả lời như Đáp án: không cho điểm*	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh *mẹ quê* qua cảm nhận của nhân vật trữ tình trong văn bản ở phần Đọc hiểu.	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình ảnh *mẹ quê* qua cảm nhận của nhân vật trữ tình.	0,25
		c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Hình ảnh *mẹ quê* gắn liền với lối sống giản dị, dân dã, thanh bạch (“*con đường nho nhỏ đi về thân quen*”, “*cả đời nào biết bon chen*”, “*mùi bùn đã ngấm, nâu sồng đã thân*”). - Hình ảnh *mẹ quê* mang vẻ đẹp gần gũi, thân thương với những phẩm chất tốt đẹp, đáng quý tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam: cần kiệm (“*cả đời nào biết bon chen*”), hiền lành (“*hiền như cục đất…*”), nhân hậu, giàu tình thương yêu và đức hi sinh cao đẹp (“*Miếng ăn dành để luân phiên/ Sợ mùa thất bát lại phiền cháu con*”), tảo tần, đảm đang (“*quanh năm lam lũ héo hon*”). - Hình ảnh mẹ quê phản ánh rõ nét sự bào mòn khắc nghiệt của thời gian (“*Thế mà đã mấy chục năm/ Tóc giờ bạc trắng lưng còng còng hơn*”) cùng	1,0

		cuộc sống vất vả, cực nhọc đè nặng lên vai người phụ nữ trong gia đình ("*quên thời con gái môi son áo hồng*"), là minh chứng điển hình cho vẻ đẹp mộc mạc, bình dị của người phụ nữ Việt Nam, khơi gợi nên thái độ trân trọng, kính yêu của mỗi người dành cho sự hi sinh vĩ đại của những người mẹ trong gia đình.	
		d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Sự kì vọng tạo ra áp lực hay động lực?*	***4,0***
		a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Sự kì vọng có thể tạo ra áp lực, nhưng cũng đồng thời làm nên động lực cho người.	0,5
		c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: **** Mở bài:*** Giới thiệu vấn đề nghị luận. **** Thân bài:*** - Giải thích: Sự kì vọng là thuật ngữ chỉ việc con người đặt nhiều niềm tin, hi vọng, mong mỏi vào một đối tượng hay sự việc nào đó có ý nghĩa quan trọng đối với họ; áp lực là sự cưỡng ép được con người cảm nhận rõ rệt; động lực là cái thúc đẩy, làm cho con người phát triển theo chiều hướng tích cực, tiến bộ; vấn đề này đề cập đến tác dụng của sự kì vọng đối với con người khi được nhìn nhận dưới góc độ đa chiều. - Bàn luận: + Sự kì vọng có thể tạo ra áp lực cho con người trên nhiều phương diện với nhiều mức độ khác nhau; con người cần nhận thức và kiểm soát sự kì vọng của bản thân vào một điều gì đó vì nó có thể gây ra nhiều vấn đề tiêu cực. + Sự kì vọng có thể tạo ra động lực cho con người, thúc đẩy con người phấn đấu để vượt qua khó khăn, thử thách để thực hiện nhiều mục tiêu; con người cần đặt kì vọng đúng mức, đúng chỗ để nó phát huy tác dụng tích cực. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. **** Kết bài:*** Khái quát vấn đề nghị luận. *Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	2,5
		d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		đ. Sáng tạo	0,5

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			**10.0**

---------- **Hết** ----------

ĐỀ 9	**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025** **Môn: NGỮ VĂN** *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Bán cho một đĩa vị tha
Mớ ba, mớ bảy cũng là yêu thương
Ngẫm ra muôn sự bình thường
Thế gian đố kỵ ai nhường cho ai?

Bán cho một đĩa nụ cười
Để tôi chia bớt cho người cuộc vui
Ngày qua đã lắm buồn rồi
Ơi cô chủ quán đấy hời tôi xin

Bán cho một đĩa niềm tin
Cho đời, cho bạn, cho mình còn nhau
Thời gian mái tóc đổi màu
Người ơi xin chớ vàng - thau cợt đùa.

Quán đông lắm bán nhiều mua
Tôi kêu khản giọng vẫn chưa tới mình

8/2005

("Xin mua" – Nguyễn Đức Phước, in trong tập thơ "Đêm khát",
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2008)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5đ)Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2 (0,5đ) Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ?

Câu 3: (1đ)Trong bài thơ, tác giả "xin mua" những gì? Mục đích của việc xin mua những điều đó?

Câu 4.(1đ) Theo em, thông điệp mà tác giả gởi gắm qua bài thơ là gì?

Câu 5. (1đ) Hai câu thơ cuối gợi cho anh chị suy nghĩ gì?

Quán đông lắm bán nhiều mua
Tôi kêu khản giọng vẫn chưa tới mình

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận về khổ thơ sau:

Bán cho một đĩa niềm tin
Cho đời, cho bạn, cho mình còn nhau
Thời gian mái tóc đổi màu

Người ơi xin chớ vàng - thau cợt đùa.

Câu 2 (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách ứng xử vô cảm của một bộ phận thanh niên ngày nay đối với người bất hạnh.

……**HẾT**…….....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Phần / câu	Đáp án	Điểm
III.	**ĐỌC – HIỂU**	**4**
Câu 1	Xác định thể thơ của bài thơ trên và cho biết căn cứ để xác định thể thơ? - Thể thơ: lục bát - Căn cứ để xác định thể thơ: số tiếng trong các dòng thơ là căn cứ để xác định thể thơ. Bài thơ trên có dòng 6 tiếng, dòng 8 tiếng cho đến hết bài, nên đó là bài thơ lục bát *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh nêu được 2 ý như đáp án: 0,5 đ* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý như đáp án: 0.25đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	0,5
Câu 2	Nhân vật trữ tình trong bài thơ là "tôi" – cũng chính là tác giả *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh nêu được như đáp án: 0,5 đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	0,5
Câu 3	- Tác giả xin mua: vị tha, nụ cười, niềm tin - Mục đích: để yêu thương, chia sẻ niềm vui và làm cho con người gần nhau hơn *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh nêu được 2 ý như đáp án: 1.0d* *- Học sinh chỉ nêu được 1 ý trong đáp án: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1.0
Câu 4	Bài thơ gởi đến thông điệp gì? - Hs có thể rút ra những thông điệp khác nhau - Gợi ý: sống vị tha, biết đem đến cho nhau niềm vui, sống có niềm tin vào những điều tốt đẹp… *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh trình bày mạch lạc, có ý cụ thể: 1.0 đ* *- Học sinh trình bày không mạch lạc hoặc thiếu ý: 0,5 đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1,0
Câu 5	Hai câu cuối gợi cho em suy nghĩ gì? - HS có thể trình bày nhiều cảm xúc khác nhau - Gợi ý: cuộc sống đang cần những tấm lòng biết yêu thương, vị tha, không ganh ghét, không hơn thua… nhưng để có được những điều đó, con người cần nỗ lực và sống chân thành, đó là những tình cảm tốt đẹp tự trong tâm chứ không thể "mua" được *Hướng dẫn chấm:* *- Học sinh có thể trình bày nhiều ý khác nhau, có cảm xúc chân thành, trình bày mạch lạc: 1.0d* *- Học sinh trình bày không mạch lạc và thiếu ý: 0.5đ* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.*	1,0
IV.	**VIẾT**	**6**
Câu	**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**	**2**

1	*Bán cho một đĩa niềm tin* *Cho đời, cho bạn, cho mình còn nhau* *Thời gian mái tóc đổi màu* *Người ơi xin chớ vàng - thau cợt đùa.*	
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, song hành…	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Khát vọng con người sống phải có niềm tin vào nhau.	0,25
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận *- **Mở đoạn**: giới thiệu được chủ đề của tác phẩm, tác giả và nội dung đoạn thơ* *- **Thân đoạn**:* *+ Cảm nhận về nội dung đoạn thơ: Đoạn thơ là khát vọng của tác giả về niềm tin của con người trong cuộc sống, có niềm tin thì mới có thể "còn có nhau". Chính niềm tin sẽ làm cho con người gắn kết với nhau. Đời người ngắn ngủi, con người xin chớ để vàng thau lẫn lộn, sống thiếu chân tình…* *+ Đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ: ngôn ngữ mộc mạc, cảm xúc chân thành, liệt kê những điều tác giả muốn trao gởi: cho đời, cho bạn, cho mình… để thấy rằng, tác giả mong muốn đem niềm tin đến cho mọi người.* *+ **Kết đoạn:** Đoạn thơ là những yêu thương của tác giả đối với cuộc đời, với con người và gởi đến cho người đọc một thông điệp: hãy sống yêu thương chân thành.*	1,0
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Không cho điểm nếu bài làm có nhiều hơn 03 lỗi chính tả và ngữ pháp.*	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:** Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận vấn đề; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.*	0,25
Câu 2	Hãy viết một bài văn khoảng 600 từ trình bày quan điểm của anh / chị về cách ứng xử vô cảm của một bộ phận thanh niên ngày nay đối với người bất hạnh.	**4**
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.	*0,25*
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Cách ứng xử vô cảm của một bộ phận thanh niên ngày nay đối với người bất hạnh.**	*0,25*
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành cách luận điểm. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo yêu cầu sau: ***Mở bài**: Nêu vấn đề cần nghị luận.* ***Thân bài**:* - Giải thích: **Vô cảm** là một loại cảm xúc của con người được đặc trưng bởi sự thờ ơ, không quan tâm với các sự kiện và vấn đề xung quanh, đặc biệt là những vấn đề gây tổn hại về thể chất hoặc tinh thần cho con người. **Ứng xử vô cảm:** là biểu hiện của người không có cảm xúc trước nỗi đau của người khác, thiếu sự đồng cảm, chia sẻ, không oán hận trước những bất công xã hội. **Người bất hạnh** là người kém may mắn, không được hưởng những điều hạnh phúc trọn vẹn mà mình mong muốn. - Bàn luận – chứng minh + Người có số phận bất hạnh có nhiều nguyên nhân: nạn nhân chất độc da cam, nạn nhân của chiến tranh, số phận thiệt thòi, khiếm khuyết cơ thể hoặc trí óc, bệnh tật … họ cần được xã hội quan tâm, cần được gia đình đón nhận, cần được đối xử công bằng, không phân biệt…	*2,5*

	+ Đối xử cách vô cảm đối với họ như: chọc ghẹo, xem thường, không chia sẻ giúp đỡ là biểu hiện của sự thiếu tình thương, đi ngược lại truyền thống đạo lý của dân tộc, đi ngược lại chuẩn mực đạo lý làm người, lỗi đức công bằng bác ái … + Chứng minh: một số hành vi đối xử vô cảm và hậu quả của nó - Mở rộng vấn đề: + Phê phán những thanh niên sống vị kỷ, xem nhẹ vận mệnh đất nước, không thấy được vận mệnh đất nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đời của mỗi cá nhân. + Liên hệ những tư tưởng lớn: Bác Hồ, Nguyễn Phú Trọng… ***Kết bài**: Quan điểm của bản thân đối với vấn đề NL, đưa ra những hành động cụ thể và thiết thực thể hiện trách nhiệm của cá nhân đối với đất nước. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm* *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm – 2,0 điểm* *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm* ***Lưu ý:** Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp.*	*0,25*
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. ***Hướng dẫn chấm:** Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật nét đặc sắc của vấn đề; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*	*0,25*
	Tổng	***10.0***